

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Th ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Th ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số nhà 1230, tổ 23, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Hàng Tuyết Nh, sinh năm 1990; hộ khẩu Thường trú: ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AG; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông L và bà Nh tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ ngày 19/11/2009. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên

đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay ông L yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà Nh.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Quyền Tr, sinh ngày 25/3/2011 và Trần Thị Minh Th, sinh ngày 20/10/2014, đang chung sống với bà Nh. Ông L đồng ý để bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà Hàng Tuyết Nh vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Ông Trần Văn L giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; đồng ý giao cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho ông L ly hôn với bà Nh.

- Về con chung: Đề nghị giao cả 02 con chung tên Trần Thị Quyền Tr, sinh ngày 25/3/2011 và Trần Thị Minh Th, sinh ngày 20/10/2014 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà Nh vắng mặt, không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Ông L và bà Nh tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ ngày 19/11/2009 nên hôn nhân được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông L và bà Nh phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Nh vắng mặt nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ Thông yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa ông L và bà Nh đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L ly hôn với bà Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông L và bà Nh có 02 con chung tên Trần Thị Quyền Tr, sinh ngày 25/3/2011 và Trần Thị Minh Th, sinh ngày 20/10/2014, đang chung sống với bà Nh. Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, bà Nh là người trực tiếp nuôi các con, ông L đồng ý giao cả 02 con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để tạo điều kiện cho các con ổn định về tâm lý, chỗ ở, học tập và sự phát triển bình Thờng của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả 02 con chung tên Trần Thị Quyền Tr và Trần Thị Minh Th cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nh vắng mặt, không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp bà Nh có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Bà Nh không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Văn L ly hôn với bà Hàng Tuyết Nh.

2. Về con chung:

- Bà Hàng Tuyết Nh được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung tên Trần Thị Quyền Tr, sinh ngày 25/3/2011 và Trần Thị Minh Th, sinh ngày 20/10/2014.

- Bà Hàng Tuyết Nh không yêu cầu ông Trần Văn L cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà Nh có yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

- Bà Hàng Tuyết Nh cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu số 0004653 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hàng Tuyết Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã MĐ
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Duy Linh**